

VỀ QUÁN ĐẠO LÃO THEO TRIỀN SÔNG ĐÁY

NHÃ LONG

Chúng ta biết rằng: Phật giáo, Nho giáo và Đạo giáo du nhập vào Việt Nam từ khá sớm và đã có vai trò đáng kể trong hoạt động tư tưởng và văn hoá của nhân dân. Những trào lưu ấy đã được cải biến cho phù hợp với truyền thống của nhân dân và nhu cầu của đất nước để trở thành một nhân tố của nền văn hoá và hệ tư tưởng ở Việt Nam.

Chúng ta đang sống trong một thời đại mà trên lĩnh vực văn hoá, sự tiếp nối giữa quá khứ và hiện tại, sự giao lưu giữa Đông và Tây đã trở thành một vấn đề cấp thiết.

Trong phạm vi bài viết này chúng tôi xin đề cập đến quán đạo Lão theo triền sông Đáy. Xưa nay người ta thường hay quan niệm quán Đạo và quán đạo Lão là đồng nhất. Ý kiến này chúng tôi không muốn tham gia tranh luận. Song, ở đất Hà Tây dường như chúng tôi nhận thấy dạng thức này phần nào có sự khác biệt. Ở lĩnh vực di sản văn hoá vật thể, rõ ràng giai đoạn đầu thời tự chủ những quán Đạo giáo thường gắn kết chặt chẽ với tín ngưỡng dân gian, phần nhiều thờ thần tiên dân tộc, mà sự tích của các vị có khi bắt nguồn từ những thời gian xa xôi, có thể từ buổi hồng hoang của người Việt sống trên mảnh đất này. Những quán đó được kết cấu nhỏ bé mang nhiều yếu tố địa phương, có thể trước đây đã một thời là nơi hành nghề của một số đạo sĩ, mà yếu tố thần cúng nhiều hơn yếu tố tư tưởng. Những người này chủ yếu gắn kết với tính chất phù thủy. Thấy cúng lo việc đời nhiều hơn việc đạo, lo thu nhập kinh tế cho bản thân mình nhiều hơn giáo hoá tín đồ. Tất nhiên khi xã hội rơi vào "vòng bẫy" của những sự tiêu cực, như ở thế kỷ XIX và

đầu thế kỷ XX, thì những quán này phần nhiều là trọng điểm của sự mê tín dị đoan. Suốt cả một thời gian dài ảnh hưởng của tính chất này còn chi phối và tạo nên những sự lộn xộn trong xã hội bình dân có kiến thức thấp, sau đó đương nhiên là xu hướng đi chệch đường phát triển chung của dân tộc và chắc chắn đã bị ngành văn hoá các cấp cùng chính quyền địa phương kiểm chế, cũng có khi sự trấn áp quá đà khiến ảnh hưởng tới di sản văn hoá gốc. Gần đây, với chủ trương mở cửa và tinh thần thực sự tôn trọng tự do tín ngưỡng thì lĩnh vực này đã được ngành văn hoá quan tâm. Chúng ta đã tôn trọng đạo thờ Mẫu, tôn trọng những vị anh hùng dân tộc, anh hùng văn hoá và những vị thần linh có tính chất anh hùng văn hoá. Nền tảng đó cho phép chúng ta đi sâu vào nghiên cứu một cách cẩn thận hơn những gì mà tổ tiên đã để lại, chúng ta đã phân định được thế nào là tín ngưỡng, thế nào là mê tín dị đoan. Nhờ đó mà sự chỉ đạo của ngành chức năng, nhất là trong những năm gần đây, đã tạo cho dòng chảy văn hoá chung của dân tộc khởi sắc, đó là sự tu bổ di tích rộng rãi trong tinh thần Nhà nước và nhân dân cùng làm. Đồng thời xu hướng xã hội hoá cũng bắt đầu được định hướng. Ở lĩnh vực tinh thần, nhiều lễ hội được phục hồi, đương nhiên có sự cải biên, do nhân dân tự điều chỉnh, khiến nó không bị khiên cưỡng mà dễ phù hợp với yêu cầu thực tại nên phần nào đã góp phần ổn định được tinh thần văn hoá ở xã thôn và một số người có nhu cầu tín ngưỡng.

Trong xu hướng ấy nhìn vào Hà Nội, Hà Tây và một số tỉnh khác, chúng tôi như chợt nhận

thấy quán Đạo ở buổi đầu của thời kỳ quân chủ chuyên chế, trong xu hướng cần phải khẳng định nền độc lập dân tộc thì ý thức của chính quyền và nhân dân đều hướng tới sự tồn tại dài lâu, thì các di tích thời Lý cũng thường mang đậm ý thức này mà biểu hiện qua tên của nó: Ở Bắc Ninh có chùa Phật Tích nằm trên núi Lạn Kha vẫn còn huyền thoại về người tiểu phu lên đỉnh núi gặp tiên đánh cờ, khi kết thúc ván cờ, thì cán rìu đã mục nát. Ông tiểu xuống núi về nhà thì mọi người chỉ nhớ có một ông tổ nhiều đời vào núi kiếm củi đã mất tích. Các di tích khác như Long Hạm ở Bắc Ninh cũng chú ý đến hạnh phúc giàu có. Ở Hà Tây một di tích nổi tiếng có gốc từ thời Lý có tên là Thiên Phúc (chùa Thầy - Quốc Oai), chùa Diên Phúc (Hoài Đức). Nhìn chung nhiều chùa đều hướng đến sự dài lâu và thịnh vượng. ở Hà Nội có quán Bích Câu, thờ Tú Uyên - Giáng Kiều, Thanh Hoá có Từ Thức ở Nga Sơn và nhiều nơi khác..., trong đó có Hà Tây đền thờ thần tiên dân tộc và đều có xu hướng cầu mong sự trường tồn và hướng tới những điều thiện tránh điều ác. Xu hướng này, qua khảo sát điền dã, chúng tôi thấy dần tàn phai dưới thời Lê sơ, dù vậy đây vẫn là thời kỳ còn đề cao Tam giáo, mà một xu thế thấy rõ qua sự tích Lê Thánh Tông đi du ngoạn rồi lập ra đền Vọng Tiên ở phố Hàng Bông Hà Nội: "Vua nho đi chùa gặp tiên". Thời này (Lê sơ) Nho giáo được đề cao nhất trong lịch sử tư tưởng Việt Nam, nhưng ở một xã hội Việt phân hoá xã hội thấp, tầng lớp quý tộc cha truyền con nối có khả năng chi phối tới chính quyền trung ương hầu như vắng bóng, chúng ta không có những quý tộc như kiểu Mạnh Thường Quân và cũng không có những nhà tư tưởng lớn tự đưa ra được một dòng tư tưởng riêng biệt... nên tri thức Nho giáo Việt không có bệ đỡ vững chắc để tồn tại và bao trùm lên khắp đất nước, mà chủ yếu nó chỉ mạnh mẽ ở thượng tầng, còn nền tảng tư tưởng xã hội đã như nằm trong ý thức dân chủ làng xã của tư duy nông nghiệp lúa nước truyền thống. Đó là một cơ sở tạo điều kiện để sự lộn xộn ngay sau thời Lê Thánh Tông ít năm, dẫn đến sự cướp ngôi của nhà Mạc, như thế sự kiện "thoán nghịch" này được coi như sự tất yếu của lịch sử. Song, hệ quả đã dẫn tới một cuộc khủng hoảng lớn trong tư tưởng của các nhà Nho. Nổi lên như nhà nho tên tuổi Nguyễn Bỉnh Khiêm, Nguyễn Dữ, Nguyễn Hàng về sau là Phùng Khắc Khoan, sự không tin tưởng vào

chính quyền Trung ương đồng nhất với sự lung lay của tư tưởng Nho giáo vào thế kỷ XVI, XVII khiến các nho sĩ bắt đầu nói nhiều hơn về mệnh trời, về thuyết quả báo, cả về phép phù thủy,... để dự đoán sự thịnh suy của đất nước và sự may rủi của con người. Nhiều nhà Nho đã muốn bước qua cái cầu "vô vi" của đạo Lão để trở về với cuộc sống bình dị, chúng ta có thể hiểu được "vô vi" có nghĩa là không làm theo lẽ đời mà làm theo lẽ trời, có nghĩa là quan tâm tới những quy luật thường hằng của tạo hoá, nhờ đó mới thoát khỏi thân phận cố hữu áp đặt của Nho giáo, dẫn tới yêu thiên nhiên, đồng nội, yêu quý con người. Chúng tôi cho rằng trong sự "khủng hoảng" này và sự trở về của các nhà Nho đã có ý thức tích cực đối với di sản văn hoá truyền thống. Có lẽ nhờ đó mà một số quán đạo Lão được hình thành. Qua những văn bia còn để lại mang niên đại của thời Mạc và đầu thế kỷ XVII đã cho ta thấy sự tham gia của nhà Nho vào sự hình thành các quán này một cách rõ rệt. Có thể đưa ra một giả thiết, nếu như không có sự tham gia của các nhà Nho thì các quán của Đạo giáo cũng chỉ trôi theo dòng quán tính trước đó, nhưng với sự tham gia của các nhà Nho thì các quán này mới được khẳng định về quy mô, kang trang, to lớn và đầy đủ các tượng của đạo Lão trước đó, hầu như còn rất ít gặp. Có thể lấy ví dụ ở Linh Tiên quán thuộc huyện Hoài Đức, Lâm Dương quán ở thị xã Hà Đông, Hội Linh quán thuộc Thanh Oai'.

Những quán trên nay đã biến thành chùa và có cả nhà sư cai quản, bởi thực tế các di tích này cũng đã đưa tượng Phật vào thờ với niên đại tượng sớm nhất vào khoảng năm 30 của thế kỷ XVII (Lâm Dương quán). Những di tích này có kiến trúc kiểu "trăm gian", có gác chuông, gác trống... ngoài ra ở lĩnh vực tượng pháp đã được bày biện với 1 hệ thống khá đầy đủ. Bao gồm Tam Thanh (Thượng Thanh, Ngọc Thanh, Thái Thanh) gắn với 3 vị thần gốc là Lão Tử hay Thái thượng Lão quân, Nguyên thủy Thiên tôn và Linh Bảo Đạo quân. Trong đó chính đức giáo chủ Lão Đam là trọng tâm, có quán thờ cả Thánh phụ Thánh mẫu (chùa Sở) là cha và mẹ Lão Tử ở đất Việt hiếm thấy thờ cả bộ Ngũ Nhạc mà chỉ thấy đây đó chỉ thờ từng vị, như: Đông Phương Sóc ở chùa Mui (Hưng Thánh quán) hay thờ Tây Vương mẫu ở chùa Sở, hoặc Thuyền Thiên trấn vũ (thần tứ phương) cũng có khi lại thờ tứ trấn với danh tính mà nay chúng tôi chưa

xác định rõ ràng. Dưới hệ thống này ở các quán lớn như Lâm Dương quán, Linh Tiên quán còn có bộ Cửu Diệu Tinh Quân được làm rất đẹp, mà chúng tôi ngỡ rằng có sự tham gia của tầng lớp Nho sĩ nên sản phẩm này là sự kết tụ hai dòng tạo hình của Việt và Hoa, có thể thấy đó là các tinh cầu được nhân dạng hoá, bao gồm: Mặt trời, mặt trăng, Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ, Hổ phù và Kế đô... Trên bàn thờ còn có những thị giả được chạm trổ rất đẹp, như: Cô và cậu hầu cận bên đấng Hoàng Quân giáo chủ (Ngọc Hoàng thượng đế) - đấng sáng tạo ra muôn loài, muôn vật của thế gian này. Đương nhiên người ta cũng đưa vào đây vị hậu thần, mà điển hình như ở chùa Sổ, với tượng và đồ thờ vô cùng đẹp mang niên đại cuối thế kỷ XVI và đầu XVII.

Sau đây chúng tôi muốn đưa ra một di tích cụ thể là Hội Linh quán để minh chứng cho nhận thức trên: Chùa Sổ tên chữ là Hội Linh quán thuộc làng ước Lễ xã Tân Ước, huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

Trước đây chùa được dựng gần làng, song do thuyết phong thủy chùa được rời xa khu dân cư, nền chùa cao 64 cm bó xung quanh nền là gạch trang trí hoa văn thời Mạc, đặc biệt chùa có hệ thống tượng Lão giáo đẹp, đây là một trong những pho tượng Lão giáo sớm nhất nước ta còn lại đến ngày nay.

Chùa Sổ hiện được dựng theo kiểu nội công ngoại quốc, là một kiến trúc khép kín. Chùa không những nổi về kiến trúc mà còn đẹp về phù điêu và điêu khắc tượng tròn. Qua bia đời Hưng Trị, cho thấy chùa Sổ là một di tích được xây dựng từ thời Mạc, trong chùa có khá nhiều gạch, hòm sớ, chân đèn gỗ, chân đèn gốm... là những sản phẩm từ thời Mạc. Chùa được tu sửa lớn vào niên đại Đức Long thứ 6 (1634) mà dấu tích còn để lại là những viên gạch đất nung ở thế kỷ XVII, gạch có hoa văn nổi như hoa lá, ngựa có cánh và rồng yên ngựa chắc khoẻ.

Chùa Sổ có kết cấu kiểu trăm gian, có toà bái đường, thượng điện, hành lang với hai dãy hành lang (26 gian) nối hai đầu tiền đường với nhà hậu để bao lấy toà thượng điện. Toàn bộ nền chùa chính được bó bởi gạch hòm sớ thời Mạc theo hình khối chữ nhật (32cm x 19cm x 7,5cm), niên đại gạch qua đường nét hoa là của thế kỷ XVI, các hình được thể hiện chủ yếu là ngựa, lân, hổ và hoa lá thiêng. Để tài trên mặt gạch đều đậm nét dân gian, thể lân động được gắn những biểu

Nhã Long: Về quán đạo Lão theo triển sông Đáy

tượng cầu phúc, văn xoắn như biểu tượng của sấm chớp trong việc cầu mưa, hổ trong tư thế ngộ nghĩnh, ngựa có đao bay ở khuỷu chân, chạy lên như đôi cánh, hình tượng này cũng đã gặp ở trên đình Tây Đằng (Ba Vì), nhìn chung các đường nét đều hoạt và dứt khoát. Hiện vật gốm gạch ở thế kỷ XVII cũng đậm sự gồ ghề nổi khối ít nhiều vẫn giữ được truyền thống của thế kỷ trước.

Ngoài ra đáng quan tâm về kiến trúc là toà gác chuông nằm ở phía sau chùa. Gác chuông chùa Sổ có vị trí nối tiếp gác chuông cổ như ở chùa Diêm Giang (Ninh Bình) hay tượng đồng như ở chùa Keo (Thái Bình), chùa Ông (Hưng Yên). Đặc biệt gác chuông này được dựng 3 tầng, với tầng dưới rộng nhất. Kiến trúc này có thể mang hai ý nghĩa: Với 3 tầng dưới tính chất "quán" thì nó như biểu hiện về 3 tầng thế giới: Thiên, địa, nhân. Cuộc điều tra hồi cố của chúng tôi cho thấy trong ngày hội trước đây thường làm lễ "thông tam giới" ở chính gian giữa của toà gác chuông. Song, ở lĩnh vực Phật giáo, gác chuông này cũng có phần tương đồng với toà Tích Thiện Am ở chùa Bút Tháp (Bắc Ninh) cả về hình thức lẫn vị trí, khiến chúng ta ngỡ rằng toà nhà này ít nhiều cũng có bóng dáng của toà "Tam phẩm vãng sinh" thuộc thế giới Tây phương cực lạc.

Chùa Sổ, xã Tân Ước, huyện Thanh Oai là một kiến trúc độc đáo được xây dựng từ thế kỷ XVI đây là một kết quả từ sự dung hội giữa đạo Lão và đạo Phật trong xã hội Việt Nam ở đương thời.

Hội chùa Sổ mở vào ngày rằm tháng Giêng và ngày rằm tháng 6 hàng năm.

Ngày nay với tư duy thực sự tôn trọng tự do tín ngưỡng, với tinh thần bảo vệ di sản văn hoá dân tộc chúng ta cần nâng niu, giữ gìn tốt hơn nữa các tài sản văn hoá cho muôn đời sau./.

N.L

Chú thích:

Hiện nay ở Hà Tây đã xác định được những quán:

- Hưng Thánh quán (Thường Tín).
- Lão Quân quán (Hoài Đức).
- Linh Tiên quán (Hoài Đức).
- Quán Đổ Động (Thanh Oai).
- Lâm Dương quán (thị xã Hà Đông).
- Viên Dương quán (Hoài Đức).
- Hội Linh quán (Thanh Oai).
- Quán Yên Nhân (Chương Mỹ).